

Bản án số: 05/2019/DS - ST
Ngày: 26 - 4 - 2019
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Anh Phương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Anh Tuấn và ông Phùng Văn Thảo.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú X, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2019/TLST – DS ngày 18 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST - DS ngày 25 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Trụ sở tại địa chỉ: Số 25 T, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Những người đại diện theo ủy quyền:

Ông Vũ Đình K - Chức vụ: Trưởng ban xử lý nợ miền bắc kiêm Trưởng ban xử lý nợ miền Nam. (Văn bản ủy quyền số 953/2014/QĐ – TGD ngày 27/8/2014).

Ông Lương Hữu B - Chức vụ: Trưởng nhóm xử lý nợ, ban xử lý nợ miền bắc, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ. (Văn bản ủy quyền số 2035/2016/QĐ – TGD ngày 16/5/2016).

Ông Lê Văn T – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ, ban xử lý nợ miền bắc, ngân hàng thương mại cổ phần Đ. (Văn bản ủy quyền số 2035/2016/QĐ – TGD ngày 16/5/2016).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980.

Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1983.

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn V, xã V1, huyện P, Thành phố Hà Nội.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Trung K, sinh năm 1967. Vắng mặt.

- Bà Vũ Thị M, sinh năm 1971. Vắng mặt.
- Anh Nguyễn Hồng S, sinh năm 1991. Vắng mặt.
- Anh Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1995. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị M, anh Nguyễn Hồng S, anh Nguyễn Ngọc Đ là: Ông Nguyễn Trung K, sinh năm 1967 - Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án (Văn bản ủy quyền ngày 21/01/2019). Vắng mặt.

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn T, xã Ch, huyện P, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ trình bày:

Ngày 08/10/2010 ông Nguyễn Văn H và vợ là bà Nguyễn Thị Thu T ký kết hợp đồng tín dụng số 005.10.00110 với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (gọi tắt là SeABank) – Chi nhánh Đồng Đa vay số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, ngày 11/10/2010 Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Đồng Đa đã giải ngân cho ông H, bà T đủ số tiền vay 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) đã được ông H, bà T ký nhận tại Giấy nhận nợ ngày 11/10/2010.

Theo hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ, các bên thỏa thuận như sau: mục đích vay để mua sắm vật dụng gia đình; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 11/10/2010 đến ngày 11/10/2015; lãi suất tại thời điểm giải ngân (ngày 11/10/2010) là 15%/năm và sẽ được giữ nguyên trong năm đầu tiên, từ năm thứ hai tại thời điểm thay đổi lãi suất (1/1, 1/4, 1/7, 1/10) lãi suất cho vay được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cho cá nhân kỳ hạn 13 tháng + 5.15%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn và được áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn; gốc và lãi trả đều hàng tháng vào ngày 11; ngoài ra hợp đồng còn quy định về quyền, nghĩa vụ khác của bên cho vay và bên vay...

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Nguyễn Trung K và vợ là bà Vũ Thị M đã thế chấp là Quyền sử dụng thửa đất số 38 diện tích 355m² tờ bản đồ số 03 tại thôn T, xã C, huyện P, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0063470 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 20/02/1996 mang tên ông Nguyễn Trung K và toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất. Việc thế chấp lập thành hợp đồng được công chứng tại phòng Công chứng số 01 Thành phố Hà Nội.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông H, bà T đã thanh toán trả cho ngân hàng SeABank 305.451.798 đồng tiền gốc, 247.647.178 đồng tiền lãi trong hạn và 2.432.261 đồng tiền lãi quá hạn. Nhưng sau đó đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đúng kỳ hạn như quy định tại hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ. Phía ngân hàng nhiều lần đôn đốc trả nợ lãi và gốc nhưng phía ông H, bà T đều khất lần không trả... Vì vậy, ngân hàng SeABank đã khởi kiện ra tại TAND huyện P yêu cầu ông H, bà T thanh toán trả toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày 24/5/2017, cụ thể: Nợ gốc 294.548.202 đồng, nợ lãi trong hạn 30.662.523 đồng, nợ lãi quá hạn 203.572.095 đồng, tổng bằng 528.782.820 đồng. Và các khoản lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ kể từ ngày 25/5/2017 cho đến

khi thanh toán xong khoản nợ. Ngoài ra còn đề nghị được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp trong trường hợp ông H, bà T không thanh toán được toàn bộ khoản nợ.

Tại phiên tòa, phía ngân hàng SeABank giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

+ Buộc ông H, bà T phải thanh toán trả nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 26/4/2019, cụ thể là:

Nợ gốc:	294.548.202 đồng.
Lãi trong hạn:	30.662.523 đồng.
Lãi quá hạn:	289.295.300 đồng.
Tổng bằng:	614.506.025 đồng.

Kể từ ngày 27/4/2019 ông H, bà T còn phải trả ngân hàng SeABank khoản tiền lãi tính trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 005.10.00110 ngày 08/10/2010 và Giấy nhận nợ ngày 11/10/2010 cho đến khi thanh toán hết dư nợ gốc.

+ Trường hợp ông H, bà T không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán trả các khoản nợ này thì ngân hàng SeABank có quyền yêu cầu cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng thửa đất số 38 diện tích 355m² tờ bản đồ số 03 tại thôn T, xã C, huyện P, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0063470 do Ủy ban nhân dân huyện Phú Xuyên cấp ngày 20/02/1996 mang tên ông Nguyễn Trung K và toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất.

+ Trường hợp số tiền phát mại tài sản thế chấp không đủ thanh toán trả cho các khoản nợ trên thì ông H, bà T có nghĩa vụ thanh toán trả cho ngân hàng SeABank số nợ còn thiếu.

Tại bản tự khai ngày 21/01/2019 bị đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Chị và chồng chị anh Nguyễn Văn H có vay của ngân hàng thương mại cổ phần Đ theo hợp đồng tín dụng số 005.10.00110 ngày 08/10/2010 số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, mục đích vay để mua vật dụng gia đình. Tài sản thế chấp của khoản vay và quyền sử dụng thửa đất số 38 tờ bản đồ số 03 nằm tại thôn T, xã C, huyện P, Thành phố Hà Nội đã được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Trung K.

Chị xác nhận khoản nợ còn nợ ngân hàng tính đến ngày 24/5/2017 là 528.782.820 đồng, trong đó nợ gốc là 294.548.202 đồng, nợ lãi là 234.234.618 đồng. Do điều kiện kinh tế khó khăn, chị đề nghị phía ngân hàng miễn cho khoản nợ lãi và vợ chồng chị xin trả toàn bộ số nợ gốc. Trường hợp ngân hàng không chấp nhận thì chị đề nghị giải quyết vụ kiện theo quy định pháp luật.

Phía bị đơn anh Nguyễn Văn H: Đã nhiều lần được Tòa án triệu tập làm việc và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa; tuy nhiên phía anh H không có trình bày cũng như quan điểm trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; ngày 04/3/2019 phía anh Hùng đến Tòa án việc, tuy nhiên đang viết bản tự trình bày thì bỏ về không có lý do.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2019 và biên bản hòa giải ngày 18/3/2019, ngày 25/3/2019, ông Nguyễn Trung K là người có quyền lợi nghĩa

vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác bà Vũ Thị M, anh Nguyễn Hồng S, anh Nguyễn Ngọc Đ trình bày:

Ông và vợ bà Vũ Thị M là chủ sử dụng hợp pháp đối với thửa đất số 38 tờ bản đồ số 03 diện tích 355m² nằm tại thôn T, xã C, huyện P, Thành phố Hà Nội đã được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0063470 ngày 20/02/1996 mang tên ông (Nguyễn Trung K), trên đất có ngôi nhà cấp 4 và công trình phụ. Hiện không có ai ở tại nhà đất này. Các con ông là Nguyễn Hồng S và Nguyễn Ngọc Đ không có công sức đóng góp gì đối với nhà đất tại thửa đất số 38 này.

Ông xác nhận ngày 08/10/2010 vợ chồng ông đã thế chấp quyền sử dụng thửa đất này cùng toàn bộ tài sản trên đất để đảm bảo khoản vay nợ của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu T theo hợp đồng tín dụng số 005.00110 ngày 08/10/2010 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Trường hợp vợ chồng ông H, bà T không thanh toán trả được ngân hàng toàn bộ khoản nợ thì vợ chồng ông đồng ý việc kê biên, phát mại tài sản thế chấp nêu trên.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

Về tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Đương sự vắng mặt đã được Tòa án tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà...

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và áp dụng các Áp dụng các Điều: 305; 342, 343, 351, 355, 471, 474, 720 và 721 Bộ luật Dân sự năm 2005, xử: buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu T phải trả cho ngân hàng thương mại cổ phần Đ số nợ tính đến ngày 26/4/2019 theo hợp đồng tín dụng số 005.10.00110 ngày 08/10/2010 và Giấy nhận nợ ngày 11/10/2010 là 614.506.025 đồng (Trong đó nợ gốc 294.548.202 đồng, nợ lãi trong hạn 30.662.523 đồng, nợ lãi quá hạn 289.295.300 đồng). Kể từ ngày 27/4/2019 ông H, bà T còn phải trả ngân hàng thương mại cổ phần Đ khoản tiền lãi tính trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 005.10.00110 ngày 08/10/2010 và Giấy nhận nợ ngày 11/10/2010 cho đến khi thanh toán hết dư nợ gốc.

Trường hợp ông H và bà T không thanh toán trả được các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng thửa đất số 38 diện tích 355m² tờ bản đồ số 03 tại thôn T, xã C, huyện P, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0063470 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 20/02/1996 mang tên ông Nguyễn Trung K cùng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ký kết giữa các bên ngày 08/10/2010 đã được Công chứng tại Phòng Công chứng số 01 Thành phố Hà Nội.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Thu T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ

Ngoài ra đề nghị buộc ông H, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, hợp đồng thế chấp tài sản cùng lời trình bày của các bên đương sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện về tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; do bị đơn có địa chỉ và cư trú tại thôn V, xã V1, huyện P, Thành phố Hà Nội, vì vậy TAND huyện P thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 149, 154, 157 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Thu T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung K, bà Vũ Thị M, anh Nguyễn Hồng S, anh Nguyễn Ngọc Đ: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng ông H, bà T, ông K, bà M, anh S, anh Đ vẫn vắng mặt, do vậy việc xét xử vắng mặt những người này là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Ngày 08/10/2010 ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu T ký kết hợp đồng tín dụng số 005.10.00110 với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (gọi tắt là SeABank) – Chi nhánh Đồng Đa vay số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Ngày 11/10/2010 Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Đồng Đa đã giải ngân cho ông H, bà T đủ số tiền vay 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) đã được ông H, bà T ký nhận tại Giấy nhận nợ. Các bên thỏa thuận: Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 11/10/2010 đến ngày 11/10/2015; mục đích vay để mua sắm vật dụng gia đình; lãi suất tại thời điểm giải ngân (ngày 11/10/2010) là 15%/năm và sẽ được giữ nguyên trong năm đầu tiên, từ năm thứ hai tại thời điểm thay đổi lãi suất (1/1, 1/4, 1/7, 1/10) lãi suất cho vay được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cho cá nhân kỳ hạn 13 tháng + 5.15%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn và được áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn; gốc và lãi trả đều hàng tháng vào ngày 11.

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng 005.10.00110 ngày 8/10/2010, Giấy nhận nợ ngày 11/10/2010 ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Thu T, các Quyết định về lãi xuất huy động vốn cùng các tài liệu chứng cứ do phía Ngân hàng thương mại cổ phần Đ xuất trình tại phiên tòa như các Bảng tính số gốc, lãi đã trả và chưa trả của khoản vay (Gồm cả lãi trong hạn, lãi quá hạn)... đã có đủ cơ sở khẳng định tính đến thời điểm xét xử là ngày 26/4/2019 phía ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu T còn nợ ngân hàng TMCP Đ các khoản:

Nợ gốc:	294.548.202 đồng.
Lãi trong hạn:	30.662.523 đồng.
Lãi quá hạn:	289.295.300 đồng.
Tổng bằng:	614.506.025 đồng.

Phía bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T đề nghị ngân hàng TMCP Đ miễn khoản tiền lãi và xin trả nợ gốc nhưng không được phía ngân hàng TMCP Đ chấp nhận... Xét Hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên là bình đẳng, tự nguyện, các điều khoản quy định trong hợp đồng về lãi trong hạn, lãi quá hạn... đều không trái với quy định của pháp luật. Vì vậy, việc Ngân hàng TMCP Đ không chấp nhận đề nghị nêu trên mà vẫn yêu cầu ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Thu T phải trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn đến ngày 26/4/2019 (Thời điểm xét xử vụ kiện) tổng bằng 614.506.025 đồng là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ về buộc phía ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Thu T còn phải trả ngân hàng khoản tiền lãi tính trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 005.10.00110 ngày 08/10/2010 và Giấy nhận nợ ngày 11/10/2010 kể từ ngày 27/4/2019 cho đến khi thanh toán hết dư nợ gốc. Hội đồng xét xử xét thấy việc nay nợ giữa ông H, bà T với Ngân hàng TMCP Đ được xác lập bằng hợp đồng tín dụng, mặt khác tại hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên có thỏa thuận về lãi, mức lãi suất chậm trả (lãi quá hạn), vì vậy yêu cầu này của Ngân hàng TMCP Đ là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay là Quyền sử dụng thửa đất số 38 diện tích 355m² tờ bản đồ số 03 tại thôn T, xã C, huyện P, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0063470 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 20/02/1996 mang tên ông Nguyễn Trung K và toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp ngày 08/10/2010. Do việc thế chấp tài sản để đảm bảo khoản tiền vay nêu trên giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, có sự chứng kiến của cơ quan Công chứng; khi làm thủ tục thế chấp tài sản, các bên đã thực hiện đúng quy định của pháp luật... Vì vậy, việc phía Ngân hàng đề nghị được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại để xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp ông H, bà T không thanh toán trả được nợ là có cơ sở, HĐXX chấp nhận.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản thế chấp không đủ thanh toán trả cho các khoản nợ trên thì ông H, bà T có nghĩa vụ thanh toán trả cho ngân hàng TMCP Đ số nợ còn thiếu.

[3] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp; phía bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều: 305; 342, 343, 351, 355, 471, 474, 720 và 721 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 184, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, cụ thể:
+ Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu T phải thanh toán trả Ngân hàng thương mại cổ phần Đ:

Nợ gốc: 294.548.202 đồng.

Lãi trong hạn: 30.662.523 đồng.

Lãi quá hạn: 289.295.300 đồng.

Tổng bằng 614.506.025 đồng (Sáu trăm mười bốn triệu năm trăm linh sáu nghìn không trăm hai lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày 27/4/2019 ông H, bà T còn phải trả ngân hàng thương mại cổ phần Đ khoản tiền lãi tính trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 005.10.00110 ngày 08/10/2010 và Giấy nhận nợ ngày 11/10/2010 cho đến khi thanh toán hết dư nợ gốc.

+ Trường hợp ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu T không thanh toán trả được các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng thửa đất số 38 diện tích 355m² tờ bản đồ số 03 tại thôn T, xã C, huyện P, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0063470 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 20/02/1996 mang tên ông Nguyễn Trung K cùng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ký kết giữa các bên ngày 08/10/2010 đã được Công chứng tại Phòng Công chứng số 01 Thành phố Hà Nội.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Thu T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

3. Về án phí, quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án:

- Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu T phải nộp 28.580.241 đồng (*Hai mươi tám triệu năm trăm tám mươi nghìn hai trăm bốn mươi một đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ 12.575.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm bảy lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005269 ngày 18/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, Thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, báo nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền

và lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện P;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Anh Phương

THÀNH V

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Phú Xuyên;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Phú Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Anh Phương

